

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày: 25/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

So Minh C (*Tên gọi khác: Ma Trinh*) - Sinh năm: 1979 tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn G, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: La O C1 (chết) và bà So Thị C1 (chết); Vợ La O Thị H - Sinh năm 1983; Bị cáo có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo So Minh C (Do trung tâm TGPL cử) – Ông Ngô Văn Thành – Trợ giúp viên pháp lý thuộc TTTGPL Nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện D. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch UBND xã M. Vắng mặt, có đơn xin xét

xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- La O Thị H - Sinh năm: 1983;

- NLQ1 - Sinh năm: 1973;

- NLQ2 - Sinh năm: 1993;

- NLQ3 - Sinh năm: 1971;

- NLQ4 - Sinh năm: 1967;

- NLQ5 - Sinh năm: 1975;

- NLQ6 - Sinh năm: 1984;

- NLQ7 - Sinh năm: 1979;

- NLQ8 - Sinh năm: 1967;

- NLQ9 - Sinh năm: 1985;

- NLQ10 - Sinh năm: 1979;

- NLQ11 - Sinh năm: 1987;

- NLQ12 - Sinh năm: 1985;

- NLQ13 - Sinh năm: 1977;

Tất cả trú tại: Thôn G, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên. Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2020, So Minh C nói vợ là La O Thị H cùng đi đến khu rẫy trước đây cha mẹ C đã khai hoang, canh tác tại khu vực rừng có tục danh “Suối Sâu” thuộc khoảnh 2, tiểu khu 74 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên (rừng do UBND xã M, huyện D quản lý) phát dọn cây rừng để lấy đất trồng lúa, trồng keo. Sau đó, C gọi thêm NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12 và NLQ13 cùng tham gia phát dọn rừng cho C, theo hình thức vòng đổi công qua lại cho nhau. Vợ chồng C cùng với số nhân công nói trên dùng rựa chặt hạ cây rừng theo hình thức phát trắng, đối với những cây rừng có đường kính lớn C nói NLQ2

dùng máy cưa để cắt hạ. Việc phát dọn rừng diễn ra liên tục trong thời gian 02 ngày thì nghỉ, chờ cây rừng khô để đốt. Đến ngày 29/7/2020, Hạt Kiểm lâm huyện D phối hợp với UBND xã M, huyện D tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản. Qua điều tra, So Minh C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 1054/KLGD-CCKL ngày 03/11/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá thuộc khoảnh 2, tiểu khu 74 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên là 10.500m², hiện trạng rừng tự nhiên nghèo kiệt, quy hoạch chức năng rừng sản xuất (phê duyệt tại Quyết định 2570/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên). (Bút lục số 84-87).

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐGTTTHS ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ phá rừng là 104.234.362 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSĐX ngày 26/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo So Minh C về tội: "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS.

- Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận bị cáo So Minh C phạm tội: "*Hủy hoại rừng*". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo So Minh C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2023). Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 104.234.362đ, bị cáo đã bồi thường 24.410.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 79.824.362đ. Ủy ban nhân dân xã M được nhận số tiền 24.410.000đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm mười ngàn đồng) tại ủy nhiệm chi số 10 ngày 03/7/2023 do Công an huyện Đồng Xuân chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 02 cái rựa; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xích, 01 lam xích, 01 dây xích.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về mặt tội danh cũng như về điều luật, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã nêu tại bản Cáo trạng cũng như mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa, không tranh luận gì.

- Tại đơn xin vắng mặt, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật. Về phần hình phạt: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Do không có đất để canh tác nên khoảng tháng 6/2020, So Minh C đã có hành vi cùng với vợ là NLQ8 và các nhân công gồm: NLQ2, NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13 đi đến khu rừng do UBND xã M, huyện D quản lý thuộc khoảnh 5, tiểu khu 67 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên dùng rựa, máy cưa chặt phá rừng sản xuất, với diện tích

10.500m², gây thiệt hại 104.234.362 đồng, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố bị cáo So Minh C về tội “*Hủy hoại rừng*” – theo điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài nguyên rừng và chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống chung của xã hội, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo là người đồng bào thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; mục đích phá rừng là để lấy đất làm rẫy trồng lúa, trồng keo để cải thiện đời sống; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình; bị cáo có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, không phân định được ranh giới các loại rừng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mà cho bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp. Xét bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3.1] Đối với La O Thị H: Có hành vi cùng với chồng là bị can So Minh C và các nhân công chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 10.500m². Hành vi của H đã có dấu hiệu của tội Hủy hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bản thân H là vợ của C, trước khi đi phát rừng được C cho biết rừng tại khoảnh 2, tiểu khu 74 xã M, huyện D là rẫy cũ do cha mẹ để lại nên H không nhận thức được rừng tại khu vực này do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Mặt khác, H là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, chỉ thực hiện theo yêu cầu của chồng, phát rừng theo tập tục để có đất sản xuất. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của H gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý

hành sự đối với La O Thị H mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

[3.2] Đối với NLQ2, NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12 và NLQ13: Có hành vi tham gia phát rừng cho So Minh C tại khoảnh 2, tiểu khu 74 xã M, huyện D. Hành vi của các đối tượng này đã có dấu hiệu của tội Hủy hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra nhận thấy các đối tượng này đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình đều thuộc hộ nghèo, cận nghèo; phần lớn không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; khi đi phát rừng đều được C cho biết khu rừng trên là rẫy do ông bà, cha mẹ C để lại nên không nhận thức được đây là rừng do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Mặt khác, bản thân các đối tượng này đều không có sự bàn bạc với nhau từ trước, không hưởng lợi gì trên diện tích rừng đã phát cho C, tham gia phát rừng theo sự chỉ dẫn của C. Xét thấy tính chất nguy hiểm do hành vi của các đối tượng trên gây ra là không đáng kể, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với các đối tượng trên mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

[3.3] Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 2, tiểu khu 74 xã M, huyện D: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 10.500m², gây thiệt hại 104.234.362đ. Các cá nhân được giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng có dấu hiệu của tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, Việc tách ra để điều tra, xử lý sau là không toàn diện, triệt để, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Thẩm phán được phân công xét xử vụ án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân để điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân không chấp nhận. Căn cứ Điều 280, 298 BLTTHS Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 104.234.362đ, bị cáo đã bồi thường 24.410.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 79.824.362đ. Ủy ban nhân dân xã M được nhận số tiền 24.410.000đ (*hai mươi bốn triệu, bốn trăm mười ngàn đồng*) tại ủy nhiệm chi số 10 ngày 03/7/2023 do Công an huyện Đồng Xuân chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: 02 cái rựa là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; 01 máy cưa xích, 01 lam xích, 01 dây xích là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên xét miễn án phí HSST và án phí DSST đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo So Minh C phạm tội: "*Hủy hoại rừng*".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo So Minh C 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (*ba*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2023). Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo So Minh C cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo So Minh C phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D số tiền 104.234.362đ, bị cáo đã bồi thường 24.410.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 79.824.362đ (*bảy mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi hai đồng*). Ủy ban nhân dân xã M được nhận số tiền 24.410.000đ (*hai mươi bốn triệu, bốn trăm mười ngàn đồng*) tại ủy nhiệm chi số 10 ngày 03/7/2023 do Công an huyện Đồng Xuân chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 02 cái rựa; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xích, 01 lam xích, 01 dây xích (*Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện D*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST đối với bị cáo So Minh C.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long